

Bản án số 53/2025/HSST
Ngày 09.4.2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Trịnh Văn Bạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Luận, ông Nguyễn Việt Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị N2 M - sinh ngày 20 tháng 3 năm 1982 tại Q; nơi cư trú: Tổ 3, phường H1, quận L, thành phố Đ; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh C1 (*Sinh năm 1956*) và bà Trần Thị Thanh C2 (*Chết*); có chồng là Ngô N2 T2 (*Sinh năm 1977*) và 03 con (*Sinh năm 2007, 2015 và 2019*);

Tiền án: Chưa;

Tiền sự: Ngày 01 tháng 7 năm 2023, bị Công an huyện H2, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi bài phỏm (*Nộp phạt ngày 07 tháng 10 năm 2024*);

Nhân thân:

- Ngày 08 tháng 8 năm 2018, bị Công an quận L xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) về hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bình xập xám;

- Ngày 18 tháng 5 năm 2022, bị Công an huyện H2, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa;

Bị bắt tạm giam ngày 11 tháng 7 năm 2024, (*Có mặt*).

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị H4 - sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn N1, xã H3, huyện H2, thành phố Đ, (*Có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ N2 - Sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn N1, xã H3, huyện H2, thành phố Đ, (*Có mặt*);

2. Ông Nguyễn H5 - Sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 04, phường H1, quận L, thành phố Đ, (*Vắng mặt, không có lý do*);

3. Ông Nguyễn Văn G - Sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn L, xã H8, huyện H2, thành phố Đ, (*Vắng mặt, không có lý do*);

4. Ông Huỳnh Đức H6 - Sinh năm 1968; nơi cư trú: K34/21 Ấ, phường H7, quận L, thành phố Đ, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị H4 có nhu cầu thay đổi, cập nhật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đối với thửa đất của mình tại thửa đất số 975, tờ bản đồ số 06, diện tích 280 m² tại xã H3, huyện H2, thành phố Đ. Vào khoảng tháng 6 năm 2022, qua sự giới thiệu của em rể là ông Nguyễn H5, bà H4 biết được Huỳnh Thị N2 M là người làm dịch vụ đất nên có khả năng làm được thủ tục này và trước đây M có làm giấy tờ đất cho ông Nguyễn H5 nên bà H4 đã liên hệ với M để nhờ làm giúp việc cập nhật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đối với lô đất trên. M báo giá làm dịch vụ cho bà H4 là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Do thấy giá cao nên tháng 12 năm 2022, bà H4 đã nộp hồ sơ chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 975 nhưng do hồ sơ chưa đảm bảo điều kiện giải quyết nên ngày 31 tháng 01 năm 2023, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ Chi nhánh tại huyện H2 trả lại hồ sơ cho bà H4 theo Công văn số 336/CNHV-KTĐC. Bà H4 liên hệ với M để nhờ M làm hồ sơ. Qua thông tin bà H4 cung cấp, M có liên hệ với ông Nguyễn G, là người làm dịch vụ đất tại địa bàn huyện H2 đề hỏi chi phí và nhờ ông G làm thủ tục nhà đất cho bà H4. Qua trao đổi, ông G đồng ý nhận kiểm tra và làm dịch vụ liên quan đến lô đất của bà H4 với chi phí dịch vụ khoảng 50.000.000 đồng. Sau đó, bà H4 và M thỏa thuận bằng miệng và đồng ý với mức phí 50.000.000 đồng thanh toán đợt 1 số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) ngay sau khi xác nhận giao dịch, đợt 2 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (*Hau mươi triệu đồng*) sau khi hoàn thành hồ sơ vào tháng 6 năm 2023.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, bà H4 nhờ con gái là chị Nguyễn Thị Mỹ N2 chuyển số tiền 20.000.000 đồng và đưa trực tiếp số tiền 10.000.000 đồng cho ông Nguyễn H5

cùng với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H4 để nhờ ông Nguyễn H5 chuyển cho M. Ngày 18 tháng 3 năm 2023, ông Nguyễn H5 đến nhà M tại tổ 03, phường H1, quận L đưa cho M số tiền 10.000.000 đồng và chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng cùng bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H4 để M làm hồ sơ, thủ tục cho bà H4 như đã thỏa thuận.

Đến ngày 02 tháng 5 năm 2023, M đến nhà gặp bà H4 và nói đưa tiếp số tiền 20.000.000 đồng và thêm 5.000.000 đồng để làm thủ tục liên quan vì hồ sơ của bà H4 đang gặp khó khăn, trục trặc. Bà H4 đồng ý và nói con gái chuyển cho M số tiền 25.000.000 đồng; tổng số tiền bà H4 đã chuyển cho M là 55.000.000 đồng. M tiếp tục yêu cầu bà H4 đưa cho M bản gốc Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu của bà H4 để M hoàn thiện hồ sơ thì bà H4 đồng ý.

Sau khi nhận tiền và các giấy tờ của bà H4 thì M đã liên hệ ông Nguyễn Văn G giao cho ông G bản photo các giấy tờ của bà H4 để ông G kiểm tra hồ sơ, mà chưa nhận tiền dịch vụ. Sau đó, ông G thông qua các mối quan hệ làm dịch vụ đất đai để kiểm tra, tìm hiểu thì biết được vị trí lô đất của bà H4 có chồng lấn với phần diện tích khác, không thể làm các thủ tục đất như M đã thỏa thuận với bà H4 nên trong tháng giữa tháng 5 năm 2023, ông G đã thông báo lại cho M biết. Sau khi biết được thửa đất của bà H4 không thể cập nhật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đất thì M không thông báo cho bà H4 biết mà hứa hẹn với bà H4 sẽ tiếp tục làm nhưng thực tế M đã sử dụng số tiền 55.000.000 đồng của bà H4 vào mục đích cá nhân nên không có tiền để trả lại cho bà H4.

Đến ngày 19 tháng 5 năm 2023, vì không có tiền trả số tiền nợ 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) từ trước cho ông Huỳnh Đức H6 nên M đến nhà ông Đức H6 để xin thêm gia hạn thời gian trả nợ. Tại nhà ông Đức H6, M nói đang làm thủ tục liên quan đến đất đai cho khách nên ông Đức H6 yêu cầu M đưa các giấy tờ liên quan, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Căn cước công dân đều mang tên Nguyễn Thị H4 và tự viết giấy vay mượn số tiền 100.000.000 đồng ký tên của bà Nguyễn Thị H4 thì M đồng ý làm theo yêu cầu của ông Đức H6.

Đến tháng 6 năm 2023, thấy M vẫn chưa làm được thủ tục liên quan đến đất đai như đã thỏa thuận nên bà H4 yêu cầu M trả lại số tiền 55.000.000 đồng và các giấy tờ liên quan nhưng M trốn tránh, không thực hiện. Đến ngày 12 tháng 01 năm 2024, bà H4 làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

* Phần dân sự: Gia đình bị cáo Huỳnh Thị N2 M đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Bà H4 yêu cầu bị cáo M bồi thường số tiền còn lại là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa ngày 18 tháng 02 năm 2025, bị hại - bà Nguyễn Thị H4 khai: Mặc dù bà đã xác nhận đã nhận số tiền gia đình bị cáo M bồi thường là 10.000.000 đồng, nhưng thực tế bà chưa nhận số tiền bồi thường; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Đức H6 khai: Giữa ông và bị cáo Huỳnh Thị N2 M có quan hệ vay mượn tiền từ nhiều năm. Bị cáo M mượn của ông nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Đến tháng 4 năm 2023, bị cáo M đến gặp ông, đề nghị vay cho chị của bị cáo M số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) thì ông đồng ý. Sau đó, ông nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản cho bị cáo M số tiền khoảng hơn 70.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 5 năm 2023, bị cáo M đến đưa cho ông bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Căn cước công dân đứng tên bà Nguyễn Thị H4. Ông

yêu cầu phải có Giấy mượn tiền của người đứng tên trong giấy tờ. Ngày 19 tháng 5 năm 2023, bị cáo M đến nhà, đưa cho ông Giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị H4, ông giao thêm cho bị cáo M số tiền tầm hai mươi mấy triệu, đủ số tiền mượn 100.000.000 đồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để điều tra, khởi tố bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Thị N2 M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Làm rõ gia đình bị cáo M đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 10.000.000 đồng hay chưa bồi thường; Điều tra, làm rõ hành vi cho vay tiền của ông Huỳnh Đức H6, mức lãi suất bị cáo M đã trả cho ông Hòa, số tiền ông Hòa thu lợi bất chính để xác định hành vi của ông Hòa có cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” không.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận L chuyển hồ sơ và có Văn bản số 19/VKS giữ nguyên quan điểm tại Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đã truy tố Huỳnh Thị N2 M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt từ 24 (*Hai mươi bốn*) đến 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền chưa bồi thường.

Bị hại - bà Nguyễn Thị H4 khai: Đến ngày 28 tháng 5 năm 2025, gia đình bị cáo M mới bồi thường cho bà số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Bà yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M.

Bị cáo M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã nhận thức hành vi của bản thân là sai, xin lỗi bị hại. Hoàn cảnh gia đình của bị cáo từ khi bị bắt thì chồng không quan tâm, 03 con hiện nay không biết đang ở đâu. Bản thân bị cáo bị bệnh huyết áp cao, bị thoái hóa khớp gối, gần đây bị ngất xỉu 02 lần. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị N2 M đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố:

Từ tháng 3 năm 2023 đến ngày 02 tháng 5 năm 2023, tại tổ 03, phường H1, quận L, Huỳnh Thị N2 M đã nhận số tiền 55.000.000 đồng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Căn cước công dân của bà Nguyễn Thị H4 để làm thủ tục thay đổi, cập nhật Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đối với thửa đất số 975, tờ bản đồ số 06, diện tích 280 m² tại xã H3, huyện H2, thành phố Đ cho bà H4. Sau khi nhận tiền của bà H4 và thỏa thuận thời gian thực hiện đến tháng 6 năm 2023. Đến giữa tháng 5 năm 2023, sau khi biết không làm được các thủ tục nhà, đất cho bà H4 thì M không thông báo cho bà H4 biết và cũng không trả lại các giấy tờ gốc cho bà H4. Do đã tiêu xài cá nhân hết số tiền đã nhận nên M vẫn nói với bà H4 là mình đang làm thủ tục để chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng của bà H4.

[3] Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận L đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an xã hội tại địa phương. Sau khi hỏi thông tin với ông Nguyễn Văn G, bị cáo đã nhận làm dịch vụ liên quan đến nhà, đất cho bà Nguyễn Thị H4 với giá 55.000.000 đồng. Khi ông G trả lời không làm được, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối, hứa hẹn đang làm thủ tục để chiếm đoạt của bà H4 số tiền 55.000.000 đồng. Bị cáo còn sử dụng giấy tờ gốc của bà H4 đưa cho ông Huỳnh Đức H6 để gia hạn thời hạn trả nợ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Lần bị Công an huyện H2 xử phạt hành chính ngày 27 tháng 7 năm 2023, đến ngày 07 tháng 10 năm 2024 bị cáo mới nộp phạt nên chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính.

[6] Quá trình tố tụng, bị cáo đã ăn năn hối cải nên thành khẩn khai báo, ân hận với lỗi lầm, xin lỗi bị hại. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H4 có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bệnh bướu giáp, huyết áp cao, từng mổ cắt tử cung, hiện đang bị thoái hóa khớp gối hai bên nên đi lại khó khăn. Hội đồng xét xử căn cứ các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[7] Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cân nhắc tình trạng sức khỏe hiện tại của bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền trên.

[9] Sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, ông Huỳnh Đức H6 khai lại: Bị cáo M viết Giấy mượn tiền (*có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) đứng tên bà Nguyễn Thị H4 tại nhà ông nhằm mục đích gia hạn thời hạn trả nợ đã mượn trước đây và để đảm bảo cho ông khởi kiện đòi tiền. Ông cho bà H4 mượn số tiền 100.000.000 đồng từ năm 2019 đến năm 2023, không có viết giấy tờ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, đã được bị cáo xác nhận tại phiên tòa. Việc ông Hòa khai không đúng là do bức tức việc gia đình bị cáo hứa trả tiền nhưng không trả.

Xét hành vi vay mượn tiền giữa bị cáo và ông Hòa là quan hệ vay mượn trong giao dịch dân sự. Hành vi của ông Hòa không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tuy nhiên, hành vi thay đổi lời khai của ông Huỳnh Đức H6 có dấu hiệu của hành vi khai báo không trung thực, nhưng xét hành vi chưa gây hậu quả nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị N2 M phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N2 M 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 7 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Huỳnh Thị N2 M bồi thường cho bà Nguyễn Thị H4 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đ;
- VKSND. quận L;
- Công an quận L;
- Chi cục THADS. quận L;
- Sở Tư pháp TP. Đ;
- Trại tạm giam Công an TP. Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đ;
- VKSND. quận L;
- Công an quận L;
- Chi cục THADS. quận L;
- Nhà tạm giữ Công an quận L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 10 phút ngày 29 tháng 4 năm 2021

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Phạm Hồng Quang

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2021/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Lê Đức Thắng - sinh ngày 27 tháng 11 năm 1998 tại Quảng Nam.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đúng quy trình tố tụng nên đảm bảo tính hợp pháp.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

3. Có căn cứ kết tội bị cáo Lê Đức Thắng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Điều luật áp dụng:

- Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Đối với tội “Trộm cắp tài sản”: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

4. Về mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Thắng 03 (Ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Thắng 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Buộc bị cáo Thắng chấp hành hình phạt của hai tội là 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 10 năm 2020.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

5. Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

6. - Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.461.800 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Thắng bồi thường cho chị Lương Thị Cẩm Tú số tiền 37.236.000 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng), bồi thường cho anh Phạm Thanh Phương số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Tuyên tiếp tục quy trữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Gold và 02 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Sáu Ly, Sáu Ly II đều có tên người cầm đồ là Lê Đức Thắng.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

7. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

Biểu quyết: đồng ý 100% (3/3)

Nghị án kết thúc nghị án lúc 16 giờ 25 phút, ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đ;
- VKSND. quận L;
- Công an quận L;
- Chi cục THA. quận L;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

